

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-4-2021
V/v : “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Huê
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 07/4/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Có mặt
 2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1974. Vắng mặt.
- Cùng trú tại: Thôn L, xã B, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Đỗ Thị X trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng (nay là xã Yên Thái), huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào năm 1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà X có quan hệ tình cảm, thường xuyên liên lạc với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho ông được ly hôn bà Đỗ Thị X.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 và Nguyễn Quang K, sinh năm 1997, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Ông đề nghị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn như ông T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác nên thường xuyên đánh đập, chửi bới bà. Mặc dù hai bên gia đình đã hoà giải nhưng ông Trước vẫn không thay đổi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, tuy nhiên bà không nhất trí ly hôn vì bà với ông Trước chưa thoả thuận xong về chia tài sản chung.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 và Nguyễn Quang K, sinh năm 1997, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà đề nghị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được đảm bảo. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng :*

Bà Đỗ Thị X có đăng ký hộ khẩu tại thôn L, xã B, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái

Bà Xuyến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Xuyến.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị X có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng (nay là xã Yên Thái), huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào năm 1992 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật

công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tin tưởng nhau, ông T hay ghen tuông, nghi ngờ bà X nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hoà giải nhưng không có kết quả, ông T vẫn không thay đổi. Ông Trước và bà X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên tại phiên hoà giải bà X không đồng ý ly hôn với lý do hai vợ chồng chưa thoả thuận xong về chia tài sản chung.

Xét thấy, mặc dù bà X không đồng ý ly hôn nhưng hôn nhân giữa ông T và bà X lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Đỗ Thị X theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị X có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 và Nguyễn Quang K, sinh năm 1997, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị X tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông Trước và bà Xuyến đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Đỗ Thị X.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số

AA/2017/0007942 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY.
Xác nhận ông T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã Yên Thái, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy